

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

A	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND quyết định
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã		
B	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3:1	9=3:2	
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)	174.865,0	174.865,0	433.427,6	2.304,3	431.123,4	296.733,7	134.389,7	248%	248%
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	107.680,0	107.680,0	323.799,8	2.304,3	321.495,5	296.733,7	24.761,9	301%	301%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	5.018,4	-	5.018,4	5.018,4	-		
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.018,4	-	5.018,4	5.018,4	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	47,0	47,0	180,8	-	180,8	180,8	-	385%	385%
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	5,3	-	5,3	5,3	-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	175,4	-	175,4	175,4	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	123.921,1	-	123.921,1	123.921,1	-		
3.1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.309,9	-	5.309,9	5.309,9	-		
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	118.611,2	-	118.611,2	118.611,2	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	21.103,0	21.103,0	52.105,8	-	52.105,8	49.273,1	2.832,8	247%	247%
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	33.616,5	-	33.616,5	30.783,7	2.832,8		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	18.489,3	-	18.489,3	18.489,3	-		
5	Lệ phí trước bạ	14.320,0	14.320,0	12.245,0	-	12.245,0	10.606,2	1.638,7	86%	86%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300,0	1.300,0	2.592,1	-	2.592,1	1.189,7	1.402,4	199%	199%
7	Thuế thu nhập cá nhân	6.610,0	6.610,0	34.008,8	-	34.008,8	29.733,3	4.275,6	515%	515%
8	Các loại phí, lệ phí	210,0	210,0	468,6	175,3	293,3	93,5	199,9	223%	223%
	- Phí, lệ phí Trung ương	-	-	175,3	175,3	-	-	-		
	- Phí, lệ phí Tỉnh	-	-	4,5	-	4,5	4,5	-		
	- Phí, lệ phí Xã	-	-	288,8	-	288,8	89,0	199,9		
9	Tiền sử dụng đất	60.000,0	60.000,0	75.515,5	-	75.515,5	63.906,2	11.609,3	126%	126%
10	Thu tiền thuê đất	3.800,0	3.800,0	14.857,0	-	14.857,0	12.702,3	2.154,6	391%	391%
11	Thu khác ngân sách	121,0	121,0	2.618,4	2.129,0	489,4	109,1	380,4	2164%	2164%
12	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	-	-	-	-	-	-	-		
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	169,0	169,0	218,1	-	218,1	-	218,1	129%	129%
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-	-	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	(218.386,2)	(218.386,2)	-	-	-		
1	Thuế xuất khẩu	-	-	-	-	-	-	-		
	<i>Trong đó, thuế xuất khẩu qua biên giới đất liền</i>	-	-	-	-	-	-	-		
2	Thuế nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-		
	<i>Trong đó, thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền</i>	-	-	-	-	-	-	-		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-		
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-		

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

A	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)		
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND quyết định	
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã			
B		1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3:1	9=3:2	
5	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-		
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-		
7	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-	-	(218.386,2)	(218.386,2)	-	-	-	-		
IV	Thu Viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	Các khoản huy động, đóng góp	-	-	50,2	-	50,2	-	50,2			
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	-	-	50,2	-	50,2	-	50,2			
2	Các khoản huy động đóng góp khác	-	-	-	-	-	-	-			
VI	Thu nợ vốn của Nhà nước và thu từ quy định tại pháp luật	-	-	-	-	-	-	-			
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-			
C	THU CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	67.185,0	67.185,0	104.103,1	-	104.103,1	-	104.103,1			
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	67.185,0	67.185,0	104.103,1	-	104.103,1	-	104.103,1			
1.	Bổ sung cân đối	15.700,0	15.700,0	15.700,0	-	15.700,0	-	15.700,0			
2.	Bổ sung có mục tiêu	51.485,0	51.485,0	88.403,1	-	88.403,1	-	88.403,1			
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	51.485,0	51.485,0	88.403,1	-	88.403,1	-	88.403,1			
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước										
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên										
D	THU CHUYÊN NGUỒN			5.524,7		5.524,7		5.524,7			
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH										